

MỘT SỐ KIỂU KẾT HỢP NGỮ PHÁP KHÁC BIỆT CỦA PHƯƠNG NGỮ NAM BỘ

HÒ VĂN TUYẾN*

Abstract: Like any other dialect, the Vietnamese Southern Dialect also has its own phonetic, lexical and grammatical characteristics. However, the grammatical characteristics of the Southern Dialect have not been much studied in previous researches.

In everyday speech of commoners in the South, especially in the Southwest, there are quite strange grammatical combinations which are different from the combinations much discussed in the general and traditional grammar. These differences occur at word, phrase, and sentence levels.

These grammatical combinations are not much researched on. To fill in the gaps, this article seeks to find out their rules through an analysis and comparison of these strange combinations to the familiar combinations in general grammar

Key words: *grammatical combinations, the Southern Dialect.*

1. Đặt vấn đề

Lâu nay, khi nghiên cứu về phương ngữ Nam Bộ (PNNB), các nhà ngôn ngữ học thường tập trung nói về đặc điểm ngữ âm, từ vựng của phương ngữ này mà ít khi chú ý đến đặc điểm ngữ pháp của nó. Quả là, về đặc điểm ngữ pháp, giữa các phương ngữ và giữa phương ngữ với ngôn ngữ toàn dân của tiếng Việt ít có sự khác biệt.

Tuy nhiên, trong lời ăn tiếng nói hằng ngày của người bình dân Nam Bộ, đặc biệt là người dân vùng sông nước miền Tây, ta thường bắt gặp các cách nói như: *Có ăn rồi chưa?* (hoặc *Ăn rồi chưa?*), *Có biết chưa?*, *Lâu rồi chưa?*; *tối đêm nay, người ta, đùng cái đùng...* Đây là những kiểu kết hợp ngữ pháp rất lạ so với cấu trúc ngữ pháp truyền thống, ngữ pháp đại cương (NPĐC). Có thể khái quát thành ba loại sau:

- Kết hợp *Có (/Lâu) ... chưa?* trong câu hỏi lựa chọn.
- Kết hợp "đư" trong tạo từ, tạo ngữ.
- Kết hợp động từ "(ĐT) + cái/ một cái + tính từ (TT)".

* Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Những kết hợp trên là những khác biệt về ngữ pháp khá rõ giữa PNNB và NPĐC.

Bài viết bước đầu mô tả những kết hợp này, so sánh chúng với quy tắc kết hợp quen thuộc trong NPĐC để tìm ra quy luật ngữ pháp riêng.

2. Kết hợp *Có (Lâu)... chưa?* trong câu hỏi lựa chọn

2.1. *Ăn rồi chưa?* và *Có ăn rồi chưa?*

Ăn rồi chưa?; *Biết rồi chưa?*; *Thấy rồi chưa?*; *Làm rồi chưa?*... đều có chung một kiểu kết hợp: "ĐT + "rồi" + "chưa"?". Xem xét trường hợp đại diện *Ăn rồi chưa?* có so sánh với kiểu câu hỏi theo cấu trúc của NPĐC *Ăn xong chưa?* ta dễ nhận thấy điểm khác biệt của hai kết hợp này là ở từ *rồi/xong*.

Rồi trong *Từ điển từ cổ* của tác giả Vương Lộc ghi nhận: "rồi₁ t.: Rảnh, rỗi" và "rồi₂ đg.: Xong" [2, 140]. *Rồi* trong *Ăn rồi chưa?* là ĐT, nghĩa của nó giống như nghĩa của ĐT *xong* - chỉ hành động hoàn thành hay kết thúc một công việc, một nhiệm vụ nào đấy. Nghĩa là ĐT *rồi* đang xét đồng nghĩa với ĐT *xong* (không phải *xong* phó từ). Chẳng hạn, nghĩa của các câu *Công việc chưa rồi*; *Nhiệm vụ chưa rồi* sẽ tương tự nghĩa của các câu *Công việc chưa xong*; *Nhiệm vụ chưa xong*. Nghĩa cổ này của từ *rồi* vẫn đang được người Việt ở Nam Bộ sử dụng.

Còn từ *xong* trong *Ăn xong chưa?* lại biểu thị nghĩa khác so với từ *xong* ở câu *Công việc chưa xong?* nói trên. Từ *xong* này không chỉ hành động hoàn thành hay kết thúc một công việc, một nhiệm vụ nào đấy mà chỉ sự trọn vẹn của một quá trình. *Xong* trong kết hợp này mang nghĩa của TT.

Trong NPĐC, khi dùng câu hỏi *Ăn chưa?*, người hỏi có ý muốn câu trả lời được xác nhận về hành động; khi dùng câu hỏi *Ăn xong chưa?*, người hỏi có ý muốn câu trả lời xác nhận về quá trình của hành động (đã trọn vẹn chưa). Trong khi đó, PNNB dùng câu hỏi *Ăn rồi chưa?* vừa để hỏi về hành động vừa để hỏi về quá trình của hành động. Có thể thấy rõ ở bảng so sánh sau:

| | Hỏi và trả lời về hành động | Hỏi và trả lời về quá trình của hành động |
|------|---|--|
| PNNB | <i>Ăn rồi chưa?</i> | |
| | <i>(Ăn rồi./ Chưa ăn.)</i> | <i>(Ăn xong rồi./ Ăn chưa rồi.)</i> |
| NPĐC | <i>Ăn chưa?</i> <i>(Ăn rồi./ Chưa ăn.)</i> | <i>Ăn xong chưa?</i> <i>(Ăn chưa xong./ Ăn xong rồi.)</i> |

Như vậy, việc giữ lại từ *rồi* với nghĩa cổ ở kết hợp *Ăn rồi chưa?* trong PNNB không những ảnh hưởng đến ý nghĩa của câu hỏi mà còn làm thay đổi cả cấu trúc ngữ pháp của nó.

Thực ra, câu *Ăn rồi chưa?* ta vừa xét ở trên là cách nói rút gọn từ câu hỏi *Có ăn rồi chưa?* mà người Nam Bộ thường hay sử dụng trước đây (hiện nay ít dùng). Chẳng hạn, trong tác phẩm *Vì nghĩa vì tình* của Hồ Biểu Chánh có một đoạn đối thoại như sau:

Thằng Quý vừa nói vừa móc lưng lấy ba cục bạc đưa cho thằng Hồi coi. Thằng Hồi cười. Gánh mì lần lần đi tới. Thằng Quý nói rằng:

- *Thuờ nay mầy chưa ăn mì, thôi mầy ăn một tô đi.*
- *Mầy có ăn rồi chưa?*
- *Tao có ăn rồi. Hôm mầy về trên, ở dưới nhà tao có ăn.*
- *Mầy có cho chị Châu ăn hôn?*
- *Chi mắc đau hoài ăn giống gì được.*

Hình thức cấu trúc của câu hỏi lựa chọn *Có ăn rồi chưa?* và cả câu trả lời *Có ăn rồi.* của các nhân vật trong đoạn truyện trên rất khác so với cấu trúc câu hỏi và câu trả lời tương ứng trong NPĐC:

| | Câu hỏi | Câu trả lời |
|---------------|---|--|
| PNNB | <i>Có... chưa?</i> | <i>Có... rồi.</i> |
| NPĐC [4, 250] | <i>Đã... chưa?</i> <i>Có... không?</i> | <i>Đã... rồi.</i> <i>Có/ Không.</i> |

Cặp phụ từ (PT) *có... chưa?* trong câu hỏi lựa chọn của PNNB đã có sự hoán đổi từ ngữ từ hai cặp PT *đã... chưa?* và *có... không?* trong hai câu hỏi lựa chọn của NPĐC. PT *đã* trong cấu trúc câu hỏi và câu trả lời của NPĐC đã được người Nam Bộ thay thế bằng PT *có*. Sự hoán đổi PT này đã khiến cho câu hỏi *Có ăn rồi chưa?* của Nam Bộ trở nên rất “lạ” so với cấu trúc câu hỏi trong NPĐC.

Trong kết hợp *Có ăn rồi chưa?*, PT *có* có tác dụng như là một trợ từ, làm tăng độ xác tín, nhằm nhấn mạnh sắc thái ý nghĩa khẳng định của câu hỏi và câu trả lời.

2.2. *Có biết chưa?*

Việc dùng cặp PT *Có... chưa?* trong câu hỏi lựa chọn như trên, ta còn thấy trong kết hợp *Có biết chưa?*. Để diễn đạt ý nghi vấn “đã biết hay chưa biết”, người Nam Bộ dùng kết hợp *Có biết chưa?*. Kết hợp này không chỉ xuất hiện trong lời ăn tiếng nói hằng ngày của người bình dân mà giờ đây nó còn xuất hiện cả ở những văn bản mang tính chuẩn mực như văn bản báo chí. Thí dụ:

Bỏ qua mối bận tâm về chiếc tã, vậy thì những nguyên nhân nào gây hăm da cho bé, dấu hiệu nhận biết hăm da các mẹ có biết chưa? (Làm mẹ, Báo Pháp luật và đời sống, 23/ 1/ 2015).

Trong NPĐC tiếng Việt, ta chỉ thấy có hai kiểu kết hợp như: *đã biết chưa?* và *có biết không* mà không có kiểu kết hợp *có biết chưa*. Kiểu kết hợp *Có biết chưa?* trong PNNB mang tính tổng hợp từ hai kết hợp của NPĐC về cả ý nghĩa lẫn hình thức ngữ pháp. So sánh:

| Kiểu kết hợp | Câu hỏi | Nội dung hỏi | Nội dung trả lời |
|--------------|-----------------------------|---|--|
| PNNB | <i>Có biết chưa?</i> (1) | Có biết hay không biết? / Đã biết hay chưa biết? | <i>Có/ Không</i> hoặc <i>Đã / Chưa</i> (a) |
| NPĐC | <i>Đã biết chưa?</i> (1') | Đã biết hay chưa biết? | <i>Đã/ Chưa</i> (b) |
| | <i>Có biết không?</i> (1'') | Có biết hay không biết? | <i>Có/ Không</i> (c) |

Ở bảng trên, về hình thức, từ đứng ở vị trí cuối câu hỏi của kết cấu (1) là PT *chưa*, từ đứng ở vị trí cuối câu hỏi của kết cấu (1'') là PT *không*; về nghĩa, (a) tương đương với (b) và (c). Kết hợp (1) ở Nam Bộ được dùng có tính tổng hợp, tương đương (1') và (1'') của NPĐC.

Nếu trong kết hợp *Ăn rồi chưa?* nói trên, điểm mấu chốt nằm ở từ *rồi* thì ở kết hợp *Có biết chưa?* và kết hợp *Có ăn rồi chưa?* điểm mấu chốt lại nằm ở từ *có*. Dưới góc nhìn dụng học, câu hỏi *Có biết chưa?* của người Nam Bộ được sử dụng trong tình huống người hỏi đã biết mọi chuyện và chỉ hỏi để có ý cảnh báo hoặc đe dọa người được hỏi mà thôi. Lúc này, từ *có* được nhấn mạnh để chuyển tải ý nghĩa tình thái này. Thí dụ: *Nó đang định bỏ cậu đấy, có biết chưa?*; *Mày sẽ nhận hậu quả đấy, có biết chưa?*.

Như vậy, trong kết hợp *Có ăn rồi chưa?* từ *có* được dùng nhấn mạnh sắc thái ý nghĩa khẳng định, xác định; trong kết hợp *Có biết chưa?* từ *có* được dùng để nhấn mạnh sắc thái ý nghĩa cảnh báo hoặc đe dọa.

2.3. *Lâu rồi chưa?*

Theo mô hình của câu hỏi lựa chọn có cặp PT *đã... chưa?* thì dạng đầy đủ của kết hợp *Lâu rồi chưa?* là *Đã lâu rồi chưa?*.

Rồi trong kết hợp *Lâu rồi chưa?* không phải ĐT như trong biểu thức của *Ăn (/ Làm...) rồi chưa?* mà là PT. PT này thường đứng sau ĐT, TT biểu thị điều đã được thực hiện, đã qua (thí dụ: *Nó đã học rồi.*) hoặc điều sẽ được thực hiện xong, sẽ kết thúc ngay (thí dụ: *Ăn hết rồi.*).

Lâu rồi chưa? là câu hỏi về thời gian. Cũng với nội dung câu hỏi này, NPĐC sẽ là: *Đã lâu chưa?* hoặc *Lâu rồi à?*. Như vậy, kết hợp *Lâu rồi chưa?* đã thừa từ *rồi* hoặc dùng không đúng PT nghi vấn *chưa*. Có thể thấy rằng từ *rồi* được người Nam Bộ sử dụng nhiều trong các loại câu hỏi. Lúc đầu, có thể *rồi* có nghĩa như đã phân tích ở cấu trúc *Ăn rồi chưa?* nhưng cũng có thể sau này, *rồi* dùng trong câu hỏi chỉ như một sự “lắp ghép” theo thói quen mà thôi. Trường hợp câu hỏi *Lâu rồi chưa?* có thể là một thói quen kiểu này chăng?

3. Kết hợp “*du*” trong tạo từ, tạo ngữ

3.1. *Tối đêm nay*

Đây là kết hợp thường xuất hiện trong lời ăn tiếng nói hằng ngày của người Nam Bộ và cũng đã xuất hiện cả trong thông báo, quảng cáo báo chí. Thí dụ:

Ở liveshow này, Thế Lâm đã khiến cho tất cả khán giả bất ngờ bởi phần thể hiện “xuất thần” của mình và em đã chứng tỏ được tài năng trong lòng công chúng. Có thể nói, “bàn sao” của anh Hai đã tạo nên cơn sốt tối đêm nay. (Đêm Liveshow 3 Giọng hát Việt nhí 2014 ngày 6/9/2014: Đêm của 12 tài năng nhí, Phunuso, 7/9/2014).

Thông thường, người Bắc Bộ hiểu “*hôm*” (ngày) có các buổi: *sáng, trưa, chiều, tối, đêm* (hoặc *đêm khuya*). Trong khi đó, người Nam Bộ lại gọi các buổi theo thứ tự: *khuya, sáng, trưa, chiều, tối đêm*. Ta có thể hình dung cách gọi các thời điểm *tối, đêm, khuya, sáng* của hai miền đất nước qua bảng so sánh dưới đây:

| Thời gian | Khoảng từ 19 giờ đến dưới 22 giờ | Khoảng từ 22 giờ đến dưới 24 giờ | Khoảng từ 0 giờ đến 2, 3 giờ (hôm sau) |
|-----------|----------------------------------|----------------------------------|--|
| Bắc Bộ | <i>tối</i> | <i>đêm - khuya</i> | <i>sáng</i> |
| Nam Bộ | <i>tối đêm</i> | | <i>khuya</i> |

“*Tối đêm nay*” ở Nam Bộ là khoảng thời gian rộng bao quát cả *tối, đêm*. Điều đặc biệt là *tối đêm* vừa dùng để định danh cho khoảng thời gian của cả *tối* và *đêm*, vừa dùng chỉ để định danh cho khoảng thời gian chỉ của “*tối*” hoặc chỉ của “*đêm*”.

Riêng khoảng từ 0 giờ đến 2, 3 giờ sáng hôm sau người Nam Bộ gọi là *khuya*. *Khuya* được người Bắc Bộ dùng với sắc thái đánh giá cảm tính, mang nghĩa của một TT nên *khuya* không kết hợp với số từ xác định mà chỉ kết hợp với PT chỉ mức độ. Vì vậy, người Bắc Bộ nói *đã 12 giờ đêm rồi* hoặc *đã khuya rồi; rất khuya rồi* chứ không nói hoặc rất ít khi nói *đã 12 giờ khuya rồi*. Nếu *khuya* người ngoài Bắc hiểu là khoảng thời gian cuối ngày thì người trong Nam hiểu là khoảng thời gian đầu của ngày hôm sau.

Chẳng hạn, cuộc trao đổi giữa hai chị em người miền Tây Nam Bộ vào lúc 19 giờ như sau:

Em: *Lúc nào thì chị về?*

Chị: *Chắc phải cỡ hai giờ khuya nay quá.*

Cách định danh “tối đêm” như trên của người Nam Bộ có thể lí giải như sau: Người Nam Bộ vốn đơn giản nên khi định thời gian *tối* và *đêm* họ cũng không quá rạch ròi như người vùng khác. Vì thế họ đã gộp chung *tối* và *đêm* lại thành *tối đêm*. Mặt khác, người Nam Bộ gọi gộp như vậy còn do cuộc sống sinh hoạt, lao động của cộng đồng dân cư vùng sông nước Nam Bộ thường không theo kiểu ngày làm đêm nghỉ, không phân chia buổi theo thời khắc rõ ràng, thậm chí ranh giới giữa các buổi trong ngày cũng bị mờ đi.

Còn cách gọi thời gian đầu của ngày hôm sau là “khuya nay” có lẽ do quan niệm: từ 0 giờ đến 2, 3 giờ, trời còn bóng tối (chưa có hừng đông) thì vẫn tính vào thời gian cuối của ngày hôm trước. Cách hiểu này bắt nguồn từ tâm thức dân gian của con người nơi đây?

3.2. Người ta

Nếu người Bắc Bộ nói “Đó là *người* chứ không phải *ma đâu*” thì người Nam Bộ sẽ nói “Đó là *người ta* chứ không phải *ma đâu*”. Vậy là cùng chỉ một đối tượng “động vật tiến hóa nhất, có khả năng nói, tư duy, sáng tạo và sử dụng công cụ trong quá trình lao động xã hội” [3, 675] thì hai vùng đất có cách gọi khác nhau. Người Bắc Bộ gọi đối tượng vừa nói là *người*, người Nam Bộ lại gọi là *người ta*. Từ điển tiếng Việt giải nghĩa: “người ta: con người (nói khái quát), *Người ta là hoa đất (tng.)*” [3, 676]. Đây là nghĩa cũ, hiện nay ít dùng theo nghĩa này. *Người ta* còn được dùng như một đại từ (ĐaT) chỉ những người bất kì, đối lập với *minh*, *ta* hoặc *chúng ta*.

Người Nam Bộ chỉ dùng *người ta* mà không dùng *người* trong ngữ cảnh của câu nói trên. Có thể nói, *người ta* ở đây đã được người Nam Bộ dùng để chỉ con người (nói khái quát) như cách hiểu xưa. Hay nói cách khác, người Nam Bộ đã dùng một nghĩa của danh từ (DT) *người* mà Huỳnh Tịnh Paulus Của đã ghi nhận trong *Đại Nam quốc âm tự vị*: “người: *người ta, người ấy, ngài, nhà người*” [1, 113]. Theo cách giải thích của cuốn từ điển này thì *người* vừa có chức năng của từ xưng hô ngôi thứ ba (*người ấy*), vừa có chức năng của từ xưng hô ngôi thứ hai (*ngài, nhà người*), lại vừa chỉ người nói chung (*người ta*).

Như vậy, *người ta* trong tiếng Việt phổ thông dùng chủ yếu ở tư cách ĐaT. Trong khi đó, người Việt ở phương Nam hiện nay lại thường dùng nó như một DT, tương đương với từ *người* trong tiếng Việt toàn dân.

4. Kết hợp: "ĐT + cái/ một cái + TT"

Kiểu kết hợp "ĐT + *cái* + TT" (từ tượng thanh) xuất hiện khá nhiều trong khẩu ngữ của người bình dân Tây Nam Bộ. Thí dụ: *đụng cái đùng, uống cái ót, tát cái bóp, bay cái vèo, ngã cái oạch, ...* Có thể *cái* trong những kết hợp này được rút gọn từ cụm từ *một cái*. Tương ứng với cách nói của người Nam Bộ ở thí dụ trên, người Bắc Bộ sẽ nói: *đụng rầm (/ chát) một cái, uống ực một cái,*

tát bóp một cái, bay vèo một cái, ngã oạch một cái, ... Trật tự của kết hợp này trong cách nói của người Bắc Bộ lại là: "ĐT + TT (từ tượng thanh) + một cái". Như vậy, vị trí của *một/ một cái* trong ngữ động từ của hai kết hợp vừa nêu là khác nhau.

Trong kết hợp *ngã oạch một cái*, *một cái* là yếu tố bổ nghĩa cho *ngã oạch*; trong kết hợp *ngã cái oạch* thì *oạch* bổ nghĩa cho *ngã*, còn *cái* chỉ có tác dụng như là tiếng đệm để chuẩn bị cho người nói nhấn mạnh vào *oạch* mà thôi. Chính điều này đã làm cho cách nói, cách diễn đạt của người Nam Bộ trở nên hình ảnh hơn, cụ thể hơn và khẩu khí cũng có phần khỏe khoắn, mạnh mẽ hơn.

5. Kết luận

Cũng như các phương ngữ khác, PNNB cũng có những khác biệt về ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp. Sự khác biệt về ngữ pháp trong phương ngữ này khá thú vị và rất cần được quan tâm nghiên cứu. Đó là những kết hợp xuất hiện ở mọi cấp độ: cấp độ câu (câu hỏi), từ, cụm từ. Có thể nói, những kết cấu ngữ pháp cổ, cách diễn đạt xưa của người Việt vẫn còn được lưu giữ trong PNNB.

Những kết hợp ngữ pháp trong PNNB bị tác động khá mạnh mẽ từ đặc điểm văn hóa của vùng đất. PT có nhấn mạnh ý nghĩa khẳng định của câu hỏi, câu trả lời được người bình dân Nam Bộ rất ưa dùng. Nét tính cách bộc trực, thẳng thắn của con người nơi đây thể hiện khá rõ trong việc sử dụng từ *có* này. Từ *cái* trong các ngữ ĐT miêu tả hành động đã góp phần làm cho cách diễn đạt của người phương Nam trở nên hình tượng hơn, cụ thể, sinh động và khỏe khoắn hơn, v.v...

Những kết hợp "lạ" này thường thấy trong ngôn ngữ đời thường của người bình dân Nam Bộ nhưng hiện nay cũng xuất hiện khá nhiều trong các văn bản viết mang tính quy chuẩn.

Ngoài những kết hợp ngữ pháp vừa nêu trong bài viết này, chúng tôi thấy còn có một số kiểu diễn đạt khác lạ nữa. Chúng tôi sẽ đề cập trong một bài viết khác.

Nghiên cứu những kết hợp độc đáo của PNNB sẽ giúp chúng ta hiểu thêm về đặc điểm ngữ pháp của phương ngữ này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Huỳnh Tịnh Paulus Của, *Đại Nam quốc âm tự vị - quyển 2*, Nxb Sài Gòn, 1895.
2. Vương Lộc, *Từ điển Từ cổ*, Nxb Đà Nẵng và Trung tâm Từ điển học, 2002.
3. Hoàng Phê (chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, 1995.
4. Trung tâm KHXH&NV Quốc gia, *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb KHXH, H., 2002.